TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/01/2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thanh Minh
2. Ông Lê Giáo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 680/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2022 về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1987 (vắng mặt)
Thường trú: Tổ H, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: B đường T, tổ H, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Kim Y, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Quốc tịch: Hàn Quốc (S)
Địa chỉ: B, D-dong, J-gu, D, Cộng hòa Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2022, bản tự khai, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Bà và ông Kim Y kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/4/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn, sau đó ông Kim Y trở về Hàn Quốc sinh sống và làm việc còn bà vẫn ở lại Việt Nam. Ông Kim Y có về Việt Nam thăm bà vài lần đến tháng 6/2021 thì vợ chồng sống ly thân và không còn liên lạc với nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do bất đồng ngôn ngữ, tính tình không hòa hợp, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng

do mỗi người một nơi nên không được. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, khả năng đoàn tụ không có nên bà đề nghị Tòa án cho được ly hôn với ông Kim Y

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

* Bà Nguyễn Thị Huyền T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

* Ông Kim Y đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đồng thời ông Kim Y cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà T.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Bà Nguyễn Thị Huyền T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ông Kim Y vắng mặt dù đã được tống đạt hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huyền T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với ông Kim Y.

+ Về việc nuôi con: Không có.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí 300.000 đồng theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Ngày 29/11/2022, bà Nguyễn Thị Huyền T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Kim Y. Ông Kim Y hiện đang cư trú tại Hàn Quốc, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Huyền T có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Kim Y đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T và ông Kim Y tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 do Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/4/2019, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T cho rằng vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, tính tình không hòa hợp, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được do thời gian xa cách đã lâu. Về phía ông Kim Y, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp theo đúng thủ tục luật định nhưng ông Kim Y cũng không có văn bản trả lời về yêu cầu xin ly hôn của bà T. Do đó, có cơ sở xác định bà T và ông Kim Y đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn với ông Kim Y.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung : Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm c khoản 5 Điều 477 và khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huyền T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Huyền T được ly hôn với ông Kim Y.

- Về việc nuôi con: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bà Nguyễn Thị Huyền T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Huyền T đã nộp theo biên lai số AA/2021/0003746 ngày 19/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Huyền T đã nộp đủ án phí.

3. Bà Nguyễn Thị Huyền T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ; ông Kim Y có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 12 (mười) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM ;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Ủy ban nhân dân huyện C, Tp. Hồ Chí Minh ;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ (20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thanh Bình